TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ	*TP. H, ngày 03 tháng 01 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1981.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 08/6/2017.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Trần Thị Ánh D là anh Trần Văn T và chị Vũ Thị P (bố, mẹ đẻ của cháu).

Các đương sự cùng trú tại: Đội 14, thôn Q, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Vũ Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị P thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị P thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 08/6/2017 cho chị Vũ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu D cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Anh Trần Văn T cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Ánh D cùng chị Vũ Thị P là

2000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Vũ Thị P có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Trần Văn T không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

* Về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn: Anh Trần Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chị Vũ Thị P có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị P thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

* **Về án phí**: Anh Trần Văn T và chị Vũ Thị P thống nhất thỏa thuận: Anh Trần Văn T tự nguyện nhận chịu cả 150.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng tiền án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm anh Trần Văn T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000229 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr□ờng hợp quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện T, Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Vũ Công Lợi